TINH THẦN HIỆN PHÁP LẠC TRÚ TRONG THƠ VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NAY (Qua khảo sát thơ của một số tác giả không xuất gia)

Hoàng Kim Ngọc*

Nhận bài: 14/04/2024; Nhận kết quả bình duyệt: 26/05/2023; Chấp nhận đăng: 28/05/2024
©2024 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Tinh thần hiện pháp lạc trú của đạo Phật là sống an lạc ngay trong giây phút hiện tại đã để lại dấu ấn trong thơ của các tác giả Việt Nam hiện đại từ đầu thế kỷ XX đến nay. Tiếp thu quan niệm này, nhiều nhà thơ (không xuất gia) cũng đã nhận diện được những chất liệu của hạnh phúc hiện hữu ở xung quanh, biết lắng nghe thanh âm cuộc sống, biết tự thiền, biết rằng "Phật tại tâm", biết tự giải thoát khỏi những khổ đau phiền não, biết "tự mình thắp đuốc lên mà đi", biết tận hưởng trân trọng từng sat na hạnh phúc, sống hết mình trong hiện tại, hiểu rõ quy luật của triết lí nhị nguyên nên lạc quan, không màng danh lợi, rũ bỏ vô minh, coi nhẹ cái chết, có tinh thần từ bi giúp đỡ mọi người… Đó là cách sống tích cực, tạo được hạnh phúc cho chính bản thân mình và góp phần làm lành mạnh xã hội.

Từ khóa: *Tinh thần hiện pháp lạc trú, Phật tại tâm, Thiền, Thơ*

1. Mở đầu

Khái niệm "hiện pháp lạc trú" là "một trong bảy tên gọi của thiền định. Người nhập thiền định, xa rời mọi vọng tưởng và được hưởng niềm vui của pháp vi, an trú bất động" (*Từ điển*, tr.549). Hay nói một cách đơn giản hơn thì "hiện pháp lạc trú" là sống an lạc ngay trong giây phút hiện tại. "Hiện pháp" là bây giờ và ở đây, "lạc trú" nghĩa là an trú trong hạnh phúc. Đức Phật đã dạy chúng ta rằng hãy biết tìm hạnh phúc ngay trong giây phút hiện tại, sống hết mình trong từng "sát na"(ksana): "khoảnh khắc của một ý nghĩ, một thời gian hết sức ngắn ngủi" (*Từ điển*, 1992, tr.1251) chứ không phải tìm trong quá khứ hay tương lai. Bởi quá khứ thì đã qua mà tương lai thì chưa tới và có thể sẽ không bao giờ tới. Thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng đã chỉ giáo (trong một bức thư pháp): "*Chẳng biết rong chơi miền Tịnh Độ/ Làm người một kiếp cũng như không*". Miền Tịnh độ là "Cõi trời của các bậc thánh ở, không bị ngũ trọc nhiễm bẩn" (*Từ điển*, tr.1628) và miền đó thực ra không phải ở đâu xa mà chính là nơi mà tâm thức

* Trường Đại học Thăng Long

chúng ta giác ngộ, thanh tịnh, yên bình, vững chãi, thảnh thơi. Nếu tâm không an thì cuộc đời thiết nghĩ sống cũng bằng thừa. Tiếp thu quan niệm này, nhiều nhà thơ đã nhận diện những chất liệu của hạnh phúc có mặt ở xung quanh, biết lắng nghe thanh âm cuộc sống, biết thiền tâm, biết tự giải thoát khỏi bến mê, rũ bỏ vô minh, vượt thoát khỏi những sai lầm do tham sân si gây ra, biết "tự mình thắp đuốc lên mà đi", sống lành mạnh, lạc quan, coi thường cái chết, "thường lạc hiện sinh".

Giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến nay là thời kì đất nước ta trải qua nhiều biến động lớn và Phật giáo cũng thịnh suy theo từng giai đoạn. Sự thăng trầm này cũng đã thể hiện trong thơ rất rõ rệt. Theo quan sát của chúng tôi, danh sách các nhà thơ có tác phẩm liên quan rõ nét đến triết lí phong phú của đạo Phật đang ngày càng nối dài. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến: "tinh thần hiện pháp lạc trú" của Phật giáo phản chiếu trong thơ Việt Nam hiện đại với hai biểu hiện: (1) *Hạnh phúc khi biết thực hành thiền; (2)* Hạnh *phúc là biết rũ bỏ vô minh, sống hết mình trong hiện tại*. Ngữ liệu sử dụng cho nghiên cứu là những sáng tác (từ năm 1936 đến năm 2023) của một số tác giả văn học Việt Nam hiện đại (không xuất gia) có liên quan đến chủ đề này. Vì dung lượng bài báo có hạn nên chúng tôi chỉ viện dẫn một số tác giả tiêu biểu.

2. ***Hạnh phúc khi biết thực hành thiền***

Theo quan sát của chúng tôi, tư tưởng của đạo Phật hầu như đã có sẵn trong nếp cảm, nếp nghĩ của người Việt Nam nên đã đi vào thơ ca một cách hết sức tự nhiên, tuy có sự thể hiện đậm nhạt khác nhau ở mỗi tác giả. Phần đông các nhà thơ đều ý thức được rằng: Hạnh phúc là khi thân tâm an lạc, thiền là cách để tâm tĩnh lặng, an nhiên, từ đó có những suy nghĩ tích cực, lạc quan, cảm nhận được vẻ đẹp của thế giới quanh ta.

Từ cách nhìn nêu trên, chúng ta bắt đầu với thơ của Hồ Chí Minh. Vì rất am hiểu Phật giáo, nắm vững quy luật của tự nhiên: Nếu không có cảnh đông tàn/ Thì sao có cảnh huy hoàng ngày xuân (Tự khuyên mình) nên Bác luôn giữ được tinh thần lạc quan ngay cả khi bị giam cầm trong nhà tù Tưởng Giới Thạch: "Thân thể ở trong lao/ Tinh thần ở ngoài lao (Vô đề) (Hồ Chí Minh, 2022). Hàn Mặc Tử tuy là người Công giáo nhưng thơ ông lại có cảm quan Phật giáo rất rõ. Để chiến thắng căn bệnh nan y bằng tinh thần, nhà thơ đã tìm thấy niềm vui tự thiền trong những câu thơ lạc quan, sử dụng biện pháp tu từ chuyển đổi cảm giác: "Ngoài không gian rất mát/ Chim thanh tước ra đời/ Nêu cao hơn tiếng nhạc/ Mùa hát sẽ xanh tươi" ("Điềm lạ"). Hình tượng chim tước trong Kinh A Di Đà chính là biểu tượng cho sự an yên và cứu rỗi của thế giới mười phương.

Bích Khê - thành viên của nhóm "Trường thơ Loạn" - vì ốm nặng nên đ

viết thư bày tỏ nguyện vọng với mẹ xin được lên "Chùa Ông Thu Xà", tìm đến cửa thiền để sống một thời gian trong không gian ngập tràn lời kinh tiếng kệ. Ở đó, ông đã thực sự thấy mình hạnh phúc an lạc khi được thả hồn vào với thiên nhiên: "Chùa Ông chim hót ở ngoài mưa/ Ngồi trên gò mã nghe chuông vọng/ Sắc cỏ thơm mùi kinh sách xưa". Nhờ có sự hiểu biết Phật pháp nên dù hiện thực cuộc đời có buồn thảm thì tâm ông vẫn an lạc khi cảm nhận: "Trăng sáng giữa trời trong/ Soi về miền cổ độ/ Lòng ta bến đò xưa/ Bóng trăng sao chẳng tỏ" ("Trăng sáng bến đò xưa") (Bích Khê, 2007). Chế Lan Viên cuối đời đã đặt tên cho ngôi nhà vườn của mình là "Viên Tĩnh Viên". Điều đó chứng tỏ rằng ông là người hiểu đạo vì cái tên đó theo nghĩa Phật giáo là "khu vườn yên tĩnh", là một vùng tâm thức yên tĩnh có cảnh giới an nhiên tự tại của tâm linh, hay nói các khác là Niết Bàn tại tâm. Giải thích như thế để thấy rằng: ngay từ thời gian trước Cách mạng, khi đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, chàng trai Phan Ngọc Hoan với bút danh Chế Lan Viên ấy đã rất hiểu đạo. Tuy cảm thấy bất lực trước hiện thực xã hội "điêu tàn", đầy biến động nhưng nhà thơ trẻ đã biết cách tự vượt thoát khỏi nỗi buồn của "Cõi Ta". Đó là cho trí tưởng của mình được chuyển nghiệp luân hồi sang kiếp cỏ cây để tìm được sự an yên trong một "Cõi Khác": "Ôi biết làm sao cho ta thoát khỏi/ Ngoài Cõi Ta ngập chìm trong bóng tối/ Cho linh hồn vụt đến xứ Trăng Mây/ Cho ta là không phải của ta đây/Mà sáp nhập vào tuổi tên cây cỏ." ("Cõi Ta"). Thi sĩ Bùi Giáng lại tập hành thiền về sự lãng quên. Lãng quên những gì không cần thiết cho đời và cho chính bản thân mình: "Biết không không biết biết không không/ Không không biết biết không không biết" (Bùi Giáng, 1962). Trịnh Công Sơn lại có ý thức gom nhặt niềm vui cuộc sống, thấy được vẻ đẹp giản dị hiện hữu xung quanh: "Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui/ Chọn những bông hoa và những nụ cười". Vì thế, Thiền sư Thích Nhất Hạnh cho biết: "Nhạc Trịnh Công Sơn không phải là nhạc Thiền, nhưng lại đầy chất Thiền trong đó". Đọc thơ Mai Văn Phấn, độc giả lại nhận thấy Niết bàn không ở đâu xa, không phải là một cảnh giới khác mà ở ngay trong hiện tại, ở trong những phút giây tĩnh lặng ngắm vẻ đẹp của thiên nhiên (Văn Phấn, 2012). Nhà phê bình Đinh Thanh Huyền nhận định: "Thơ Mai Văn Phấn không có sự tiếc thương những gì đang tàn hoại, hủy diệt, bởi nhà thơ hiểu rõ triết lý Bát bất trong Phật giáo". Dấu ấn Phật tính trong thơ Mai Văn Phấn đều đã được các nhà phê bình trong nước và nước ngoài khẳng định (như Đỗ Lai Thúy, Đinh Thanh Huyền; học giả Ramesh Chandra Mukhopadhyaya người Ấn Độ và nhà phê bình văn học Sebastian Lönnlöv người Thụy Điển…). Những bài thơ giàu Phật tính tiêu biểu của thi sĩ là: "Cửa Mẫu", "Tĩnh lặng" và hai tập thơ ba câu: "Hoa giấu mặt", "Thả". Trong nhiều bài thơ của Mai Văn Phấn, tinh thần Phật giáo đã nằm ở ngay tiêu đề như: Tạ ơn, Ngày mưa vào lễ Phật, Từ bi,

Phật tính, Lên chùa Đồng, Dừng chân trong chùa, Thắp hương xong, Tụng kinh xong, Lễ Phật xong… Nguyễn Việt Chiến cũng có nhiều bài thơ mang dấu ấn đạo Phật như "Ánh trăng trong mộc bản kinh Phật", "Thiền", "Mẹ ta ở giữa sen hồng", "Mẹ ta, vạt áo nâu xưa", "Phù điêu cổ", đặc biệt là bài "Những ngôi chùa trong đêm" được anh sáng tác năm 2008 có một tinh thần thiền rất rõ. Khi ở trong những bức tường đá, tưởng tượng ra hình ảnh Đức Phật, nhà thơ đã thấy tâm mình được giải phóng ra khỏi ngục tù của hiện thực và cũng chính là ngục tù tăm tối của cõi tâm: "Người luôn nhìn ta bằng ánh mắt bao dung nhẫn nại/ Để hướng thiện và nâng đỡ ta lên", ngài đã tiếp sức cho có "niềm tin thấm vào niềm tin", tin vào công lí. Tại chốn lao tù, nhà thơ vẫn thấy lạc quan, cảm nhận dòng máu nóng của mình vẫn "thức", tràn đầy nhiệt huyết, vẫn nhận được năng lượng của ánh trăng trí tuệ từ trời cao soi sáng cõi lòng, vẫn thấy được sự mát lành của dòng nước từ bi thanh tẩy hết nỗi oan khiên nghiệp chướng đời người. Với Nguyễn Việt Chiến, đó chính là "nơi máu thức trong đá/ nơi trăng soi trong đá/ nơi nước chảy trong đá" (Việt Chiến, 2022). Mấy câu thơ này khiến chúng ta liên tưởng tới một bài haiku của Basho do Nhật Chiêu dịch: "Nền đá hoang tàn/ Lung linh bóng nắng/ Bụt hiện dung nhan". Sở dĩ liên tưởng như vậy là bởi chúng giống nhau ở tinh thần thiền. Giữa bốn bức tường đá thì ánh trăng soi, dòng nước chảy đâu có tồn tại, nó tồn tại là do tưởng tri bản ngã mà thôi. Sự tưởng tượng đẹp đẽ đó được hiện lên trong cái nhìn lạc quan của nhà thơ. Nguyễn Việt Chiến cũng đã từng chia sẻ rằng trong những lúc khó khăn buồn khổ nhất, anh luôn tin rằng thân tâm mình đã được che chở bởi phúc lành, bởi những tiếng kinh nguyện cầu của người mẹ là một tín đồ đạo Phật.

Nhà thơ Trần Thanh Kim có bài thơ "Ghi ở chùa Vĩnh Nghiêm" sau khi đến tham quan ngôi cổ tự này. Đây là nơi đã từng có những vị cao tăng nổi tiếng trụ trì từ thời Trần như Trúc lâm Đại Sĩ Trần Nhân Tông, Nhị Tổ Pháp Loa, Tam Tổ Huyền Quang. Đây cũng là nơi chứa những bộ ván kinh có từ 700 năm nay, là kho sách cổ vô cùng quý giá, là di sản Unesco. Dưới bóng cây xanh mát trong chùa, nhà thơ đã ngẫm nghĩ về trí huệ khai mở, về thân phận, về thời gian, về kiếp nhân sinh và có cảm giác an nhiên, tự thiền trong sự yên tĩnh vắng lặng: "Mộc bản đầy khai mở/ Chữ khắc nhuần phận cây/ Thời gian chìm thớ gỗ/ Kiếp nhân sinh tỏ bày". Cách đây 2600 năm, Đức Phật cũng đã ngồi thiền dưới bóng cây bồ đề để từng bước giác ngộ về kiếp nhân sinh luân hồi sinh tử khổ đau. Từ đó các giáo lí của nhà Phật được nói ra, được truyền trao và được lưu giữ trong mộc bản như một dấu tích của kinh điển và cũng là dấu tích của kiếp người để cho ta khám phá trên con đường trở về với cội nguồn giải thoát giác ngộ. Nguyễn Văn Long có hẳn một tập thơ thiền "Huyền âm mộng nguyện" gồm 108 bài với những thông điệp

hướng đạo. Nhà thơ hạnh phúc khi biết: "Lắng hồn nghe nhịp núi sông/ Chuông ngân reo gió, đàn không kim thiền"; và biết tu tại gia, buông bỏ "tam độc" (tham, sân, si): "Buông đi về núi ngủ ngon/ Đưa hồn phấp phới cõi trời bao la/ Tầng cao, sâu thẳm, thiên ma/ Âm ngàn, độ giới, tu la triệu hầu/ Hai tay chắp thỉnh nguyện cầu/ Đạo tu tĩnh chói đất trời tam Thiên/ Thân nguyên thu tịch, biến liên". Nhà thơ trẻ Nguyễn Thị Thùy Linh (sinh năm 1991) nhưng đã được trao giải nhất Cuộc thi Thơ lục bát "Tổ quốc và Đạo pháp". Bài thơ "Quét chùa buổi sớm" của cô có cảm quan Phật giáo sâu sắc và rõ nét, ca ngợi cái thiền an nhiên, thanh sạch, tịnh không của một ni cô thoát tục quét chùa buổi sớm: "Gió thiền trên ngọn phù đồ [1] / Áo nâu khua lá, mặt hồ ngân chuông/ Cõi tâm tỏa bóng trầm hương/ Chổi lia mặt đất dọn đường tịnh không/ Thoát siêu về kiếp lửa hồng/ An nhiên xác lá ấm lòng phù sinh" (Thùy Linh, 2020) Còn Đoàn Thị Thu Vân lại tự hào ca ngợi thiền sư thời Trần (Tuệ Trung Thượng sĩ), một nhân văn vô chấp, tự tại giữa mọi thăng trầm của cuộc thế để phụng hiến đất nước muôn dân Đại Việt: "Thiền tâm đâu nệ nơi trong đục/ Tự tại ngao du giữa đất trời" ("Tuệ Trung").

Một cách thực hành thiền nữa là con người nắm vững quy luật cuộc sống, dám nhìn thẳng vào sự thật, không sợ hãi trước cái chết, coi cái chết thật nhẹ nhàng. Chết không phải là hết mà chỉ là chuyện đi - về. Bế Kiến Quốc là người am hiểu về đạo lí nhà Phật. Nhiều bài thơ ông viết về sự sống và cái chết nhưng không bi quan, hướng người đọc đến ánh sáng của cái thiện, nhắc nhở mọi người về đức hi sinh và luật nhân quả trong cõi luân hồi như bài "Ngợi ca ngọn lửa", "Huyền bí mùa xuân".... Đặc biệt trong bài "Không đề 1", Bế Kiến Quốc viết: "Tôi phải đi một khi ngày đã tàn/ Yêu đã xong, ân oán cũng xong rồi/ Tôi tịch diệt giữa cõi trần bụi bặm/ Ánh hào quang lìa hẳn cảnh luân hồi/ Có thương tiếc xin đừng thương tiếc quá/ Buồn đủ buồn như mọi cuộc chia ly/ Tôi để lại không mang theo gì cả/ Thật nhẹ nhàng, như gió, lúc ra đi". Bài thơ này làm khi Bế Kiến Quốc còn khỏe nhưng dường như đã dự cảm cho sự ra đi của mình. Ông hiểu rằng đã là con người không ai thoát được quy luật bất biến của muôn đời, đó là "sinh, lão bệnh, tử", chết không phải là hết, mà chỉ là sự bàn giao chuyển kiếp. Ông đã chuẩn bị kĩ lưỡng cho sự ra đi của mình trong một tâm thế bình tĩnh thoải mái: không vướng bận nợ nần ai, đã trả hết mọi yêu thương hờn giận, đã làm xong mọi ân nghĩa với cuộc đời, đã rũ bỏ hết mọi ham muốn dục vọng (Kiến Quốc, 1994). Nhà thơ Trần Vũ Long trong bài "Bế Kiến Quốc và những dòng thơ định mệnh" đã bình về bài thơ "Không đề 1" như sau: "Trong bài thơ này, Bế Kiến Quốc cũng muốn chuyển cái thông điệp

1 *Phù đồ:* còn gọi là "bảo tháp, "nơi thờ Phật, thờ xá lị Phật".

đó đến với những người ở lại hoàn thành nốt sứ mệnh còn dang dở nơi trần thế. Ông muốn mọi người đừng coi sự ra đi của ông là một dấu chấm hết cho một kiếp người, hãy xem nó giống như những cuộc chia li khác diễn ra ở sân bay, ga tàu. Ông mong muốn mọi người đừng quá đau buồn, đừng quá tiếc thương, đơn giản một lẽ là ông đã xong phần việc của mình ở nơi trần thế và cần phải đi trước mọi người mà thôi". Nhà thơ quân đội Nguyễn Bình Phương cũng coi cái chết nhẹ nhàng, giống như là sự giải thoát: "Chết làm ngôi sao đen/ Nằm trên giường bình nhiên bí ẩn/ (…)/ Chết nở một nụ cười sáng nhẹ/ Chẳng vĩnh biệt em chẳng tiễn biệt ai" (Nhẹ). Theo anh, chết không phải là vĩnh biệt, tiễn biệt mà chết thực ra là để tái sinh trong một kiếp sống khác.

Nhiều nhà thơ đã biết cách thiền. *Thiền có hai cách: "thiền động" và "thiền tĩnh".* Thiền tĩnh là tĩnh lặng tự tại ngay cả trong môi trường vận động. Thiền động là cơ thể vẫn vận động trong môi trường vận động, chỉ có trí tuệ và tâm tĩnh lặng để tiếp dẫn đến các triết lý nhà Phật. Thiền tĩnh thường chỉ trạng thái thân thể ngồi thiền giúp tâm được tĩnh lặng sáng suốt bình yên. Ví dụ: ngồi thiền đếm hơi thở để tâm được tập trung, không bị tán loạn buông lung. Thiền động là chỉ trạng thái tâm có tập trung, chánh niệm, tỉnh giác khi thân thể vẫn hoạt động đi lại làm việc. Ví dụ: vừa làm việc vừa thiền, vừa ăn vừa thiền, vừa trò truyện vừa thiền, vừa đi vừa thiền…

*N*goài việc ngợi ca thiền thì các nhà thơ cũng đã thực hành thiền tâm bằng nhiều cách khác nhau: có người ngồi thiền định, nhắm mắt, lặng nghe, có người niệm chú tiếng Phạn, có người tụng niệm danh hiệu Phật… Tâm thế thiền, cảm giác an nhiên của các nhà thơ được thể hiện qua các bài thơ khác nhau. Bích Khê khi đến Ngũ Hành Sơn đã xác định ngồi thiền để có thể tiếp thu được nguồn năng lượng vũ trụ của mặt trời và mặt trăng, của ngày và đêm, nhờ đó trí tuệ sẽ khai mở những sáng tạo và thân tâm êm đềm: "Ta sẽ ngồi nhập định/ Bốn mươi chín ngày đêm/ Mặt nguyệt rót êm đềm/ Mặt trời tuôn sáng tạo" ("Ngũ hành sơn – hậu"). Nhà thơ Tịnh Bình khi ngồi trên núi, giữa mây gió, cỏ cây hoa lá cũng cảm nhận được sự giác ngộ, an nhiên hành thiền trong tâm thức: "Đỉnh cô phong/ Mây tọa thiền tư lự/ Núi trầm ngâm/ Âm ba gió lời kinh/ Và hoa lá/ Tràng hạt sương kết chuỗi/ An nhiên ta/ Ngồi tựa chiếc bóng mình" ("Ngồi"). Phải chăng, đây là cảnh giới trong nhà Phật thường hay nói: "Tâm bình thế giới bình, tâm an thế giới an" hay "Tất cả các pháp đều là Phật pháp". Nhà thơ đương đại Nguyễn Bình Phương cũng lặng lẽ nhắm mắt thiền để tìm kiếm vẻ đẹp ngọt ngào trong trí tưởng của mình: "Tôi châm thuốc ra ngoài gặp cỏ/ Nghĩ đến mình nghĩ đến mình thật nhiều/ Nhắm mắt lại và từ từ hiển hiện/ Một vườn mía ngọt lúc trăng lên (bài "N.B.P") (Bình Phương, 2015). Nhà thơ giàu nghị lực Đỗ Trọng Khơi chắc chắn

thấu hiểu câu: "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng, tắc kiến Như lai". (Nghĩa là: phàm cái gì có hình tướng đều là hư dối, nếu thấy các hình tướng đều không phải tướng, đó là thấy Phật). Vì thế, trong bài "Cầm thu", anh đã tự thiền bằng cách "lặng nghe" trong tịnh vắng để thấy mình hình tướng hư vô: "Mà về thăm thẳm tâm linh/ Lặng nghe tịnh vắng xóa hình dáng ta" (Trọng Khơi, 2002). Tác giả Minh Trang trong bài thơ: "Mái chèo vô thức" đã cho thấy sự cảm nhận thanh thoát của thiền định: "***Về xem trăng ngả màu thiền/ Nhịp chài vô thức động miền tịch hư/ Nguyệt tà vẽ bóng chân như/ Tình em lá nõn về từ mùa xuân***"

Chúng ta không quên một nét đẹp văn hoá tinh thần trong bài "Xuân về" của nhà thơ chân quê Nguyễn Bính. Ở đó, ông đã miêu tả cảnh người già người trẻ leo núi đi lễ Phật, mỗi bước đi miệng lại tụng một câu A Di Đà Phật: "Trên đường cát mịn một đôi cô/ Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa/ Gậy trúc dắt bà già tóc bạc/ Tay lần tràng hạt miệng nam mô". Và chi tiết tụng niệm này cũng trở thành điểm nhấn trong bài thơ "Em đi chùa Hương" của Nguyễn Nhược Pháp. Niềm tin tâm linh ấy đã thể hiện trong khổ thơ sau: "Me bảo: Đường còn lâu/ Ta vừa đi vừa cầu/ Quán Thế Âm Bồ Tát/ Là tha hồ đi mau". Nhà thơ đương đại Đỗ Thượng Thế trong bài "Vừa đi vừa niệm" đã tự quán thiền bằng cách niệm câu: *Án ma ni bát di hồng* (Om Mani Padme Hum). Đây là một câu thần chú tiếng Phạn quan trọng và lâu đời nhất của Phật giáo Mật Tông, cầu sự gia trì của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, còn gọi là "Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn" tức là "Chân ngôn sáng rõ bao gồm sáu chữ". Mục đích của nhà thơ với việc vừa đi vừa niệm này là để trong mỗi bước chân, tâm hồn mình "tự tại", "thong dong", "tĩnh lặng", "bao dung", rũ bỏ vô minh, "đặt xuống gánh buồn": "Vừa đi vừa niệm/ Mắt nghiền tay chắp hoa sen/ Tĩnh lặng xoay vần/ Xoay vần thong dong/ Chuông gióng từng hồi tự tại/ Hơi thở con đường vô hạn/ Cỏ chờ nâng bước chân…/ Vừa đi vừa niệm/ Đến với ngọn núi cao cô đơn/ Bao dung bao điều tồi tệ/ Cự tuyệt cuộc chiến trái tim/ Lửa vô minh ngàn năm rũ bỏ/ Đặt xuống gánh buồn/ Bước qua cái chết…" (Thượng Thế, 2023). Còn thi sĩ Khánh Phương khi tụng chú Đại bi (Câu thần chú nuôi dưỡng chất liệu của sự yêu thương và hiểu biết) đã cảm nhận được một năng lượng tích cực tràn ngập thân tâm, thấy được sự bình thản sau những run rẩy âu lo: "Hạt cát/ Còn run rẩy/ Khi nước triều rút xuống/ Bình thản trong ánh mặt trời" ("Đọc chú Đại bi").

Nữ tác giả trẻ Trần Hạ Vi trong bài "Thiền yêu" đã có ý thức rất rõ trong việc cần buông xả hận thù, dù từng bị phản bội trong tình yêu, để tâm mình thanh thản: "*Em mỗi ngày mỗi thiền/ Yêu anh trong uất hận/ Để mỗi ngày vơi dần/ Vơi dần/ Tịnh tiến miền thanh thản*" (Hạ Vi, 2020). Tuy nhiên, làm được điều này chắc không phải dễ dàng gì, bởi vấn đề tình ái, "lục

dục thất tình"[1] là một trong những nỗi khổ lớn nhất của con người trần thế. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, nghĩ được như vậy là người trẻ này cũng đã bắt đầu ngộ đạo rồi. Nhà thơ Trần Ngọc Tuấn lại dành cho mình những khoảng lặng để hòa mình vào thiên nhiên, nhận ra vẻ đẹp hiện hữu của cuộc sống và thấy lòng mình đã xóa bỏ được "ngã chấp" mê lầm: **"***Lặng nghe ngọn cỏ yên bình/ Mới hay mặt đất ân tình làm sao/ Lặng nghe tiếng gió trên cao/ Mới hay chim chóc trăng sao vui vầy/ Lặng nghe nhịp đập tim này/ Mới hay Ngã chấp từ nay phai tàn" ("Lặng nghe"). "Ngã chấp" hay "chấp ngã" là một* thuật ngữ trong Phật giáo. Chấp ngã là bám vào cái ta, thường đặt cái ta của mình lên trên những cái ta của người khác, vì thế tham sân si trỗi dậy. Theo nhà Phật thì không có cái ta, cái ngã riêng biệt bởi mọi sự vật đều có mối liên hệ tương tác với nhau. Để có cuộc sống an lạc, hạnh phúc thì phải nhìn đời bằng con mắt vô ngã, biết phá bỏ ngã chấp nên nhiều nhà thơ đã và đang từng bước thực hành.

3. Hạnh *phúc là biết rũ bỏ vô minh, sống hết mình trong hiện tại*

Vô minh là gốc rễ đưa đến khổ đau và mọi bất thiện trong thế gian. *Hạnh phúc là biết diệt trừ "tam độc" tham sân si, tự mình cứu mình rũ bỏ muộn phiền, tự mình biết thắp đuốc lên mà đi. Rất nhiều nhà thơ hiện đại Việt Nam đã ý thức được điều này, chúng tôi xin được viện dẫn một số tác giả.*

Trong thời gian ngồi tù vì trốn lính, không muốn đi lính để bắn giết chính đồng bào mình, Nguyễn Đức Sơn (Sơn Núi) đã từng viết những vần thơ chia sẻ với Quán Thế Âm và ông cũng nhận thức được rằng Phật tại tâm, nhìn vào lòng mình để thấy Phật tính hoát nhiên đại ngộ, thấy lòng thanh tịnh: "Cho con xin một ánh trăng/ Đêm nay mười bốn phải chăng khởi đầu/ Trên cao toả sáng nhiệm màu/ Sao con chỉ thấy đại cầu tối om/ Bốn bên súng chĩa đen ngòm/ Thiết tha tâm Phật con dòm vô trong" ("Nói với Quán Thế Âm"). *Nhà thơ* Vũ Hoàng Chương đã làm một cuộc "đáo bỉ ngạn" ngoạn mục để từ giã những vần thơ buồn bã thất tình, say sưa chán chường. Ông đã tìm được lối thoát khi bắt gặp đạo lí Phật giáo Thiền tông. Nhà thơ đã được tiếp kiến với các bậc chân sư, được chứng kiến cái chết tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức nên đã đóng góp cho văn học Phật giáo ba thi phẩm "Lửa từ bi", "Ánh trăng đạo lý" và "Bút nở hoa đàm" đậm đà bản sắc nhân văn. Ông hiểu: muốn thoát khỏi những buồn bã, chán chường, đau khổ thì tự mình phải chuyển hóa, bởi vì cho dù "Phật có bàn tay dẹp bất bình/ Cả ngàn con mắt chiếu vô minh" nhưng "Chỉ đôi tai Phật sao nghe xiết/ Tiếng khóc giờ đây của chúng sinh?" cho nên phải "tự mình thắp đuốc lên mà đi". Sau

1 *Lục dục thất tình*: là nói về 6 sự ham muốn và 7 sắc thái cảm xúc khác nhau của con người.

này nhà thơ trẻ đương đại Trần Ngọc Tuấn cũng xác định: "Đường dài/ Mù mịt/ Đêm đen/ Tự mình thắp sáng/ Ngọc đèn/ Chân như" ("Tự tâm").

Khi không màng danh lợi, ham muốn sân si thì thân tâm chúng ta được an nhiên, hạnh phúc. Nguyễn Long có bài thơ "Thường dân" nổi tiếng vượt qua hàng ngàn bài thơ khác để giành giải Nhất cuộc thi thơ của báo Văn Nghệ năm 2003. Bài thơ đã bày tỏ sự ngưỡng mộ với những con người không bon chen danh lợi: "Mặc ai mua nổi bán chìm thiệt hơn", họ có cách sống vô ngã: "Hòa vào trời đất mà xanh/ Vô tư mấy kiếp mới thành thường dân". Trương Nam Hương cũng không có thói quen khoanh tay nịnh cấp trên, nếu có dạ thưa thì hãy dạ thưa với mẹ. Anh ý thức rằng danh lợi là phù du, là những vật ngoại thân nên luôn giữ cho mình cái tâm bình an, thanh thản: "Đứng ngoài các cuộc bon chen/ Lắng trong nước mắt muộn phiền nhân gian/ Chẳng quen khoanh dạ mặt bàn/ Về thưa ghế đẩu cơ hàn mẹ cho!" ("Dặn lòng") (Nam Hương, 2022).

Mỗi người lại có một cách riêng rũ bỏ khổ đau, tham sân si để thân tâm an lạc. Một nữ thanh niên xung phong đại diện cho hàng trăm nữ thanh niên xung phong trong bài thơ "Nửa đêm gõ mõ" (trích trong Chương III của trường ca "Tiếng bom và tiếng chuông chùa") của Phạm Tiến Duật đã chọn một lối thoát cho tâm hồn là quy y cửa Phật. Bởi như thế họ sẽ quên được nỗi buồn khi rời quân ngũ trở về mà người yêu thì đã hi sinh, bản thân thì bệnh tật, vết thương cũ lại nhức nhối, sốt rét rừng đã làm rụng hết tóc. Họ muốn rũ bỏ hết những tham ái để thân tâm bình lặng khi tuổi chưa hẳn đã già vì vẫn "Thấy dấu hiệu của thời còn sinh nở". Đi tu, họ được như ý sở cầu: "Nam mô A di đà Phật/ Cho con từ giã phận mình/ Những ham muốn đời thường/ Đừng bắt con đeo đẳng" (Phạm Tiến Duật, 2007)

Hồng Thanh Quang thì thấm nhuần quan niệm: Phật không ở đâu xa, Phật tại tâm. Anh có một số bài thơ đề cập đến đạo Phật như bài: "Nguyện ước", "Chùa Hương", đặc biệt là bài "Ở đâu gần Phật nhất". Nhà thơ cho rằng không phải cứ gần các đại thiền sư, gần những ngôi chùa lớn hay những nơi phát sinh huyền tích thì là được gần Phật, được gần Niết bàn. Khi gần Phật nhất chính là lúc tâm ta an lạc nhất, gần với giáo lí nhà Phật nhất, biết giúp đời giúp người, sống một đời tử tế, biết làm thiện nguyện từ nguồn thu nhập chính đáng của mình: "Cúng dường bằng tần tảo/ Tạo dựng đời ấm êm/ Giúp muôn loài cùng khổ/ Bớt buồn, an lạc thêm…" (Thanh Quang, 2021).

Tập "Thơ chọn" của Dương Kỳ Anh cũng thấm đẫm tinh thần thiền, khi nhà thơ ý thức được là "Phật tại tâm": "Lần trong gió bụi cuộc đời/ Mới hay cõi Phật *ở* nơi lòng mình" ("Ghi *ở* chùa Nam Đồng") (Kỳ Anh, 2023). Trần Huy Minh Phương cũng quan niệm: Phật không ở đâu xa, Phật chính là cha là mẹ, người đã dạy con những điều nhân nghĩa. Nhà thơ tự thấy Phật tính trong

lòng mình khi nâng đóa sen cung kính đặt lên bàn thờ thắp hương dâng cha mẹ: "Con vừa xuống ao nhà nâng sen lễ Phật/ Phật trong con bừng sáng/ giọt giọt trong" ("Phật trong nhà tôi"). Và khi anh mặc tấm áo lam, đeo tràng chuỗi đứng trước ban thờ có bình hoa huệ trắng thì đã nghĩ đến cõi Ta Bà (đây là cõi được ví như một "trạm dừng chân", nơi mà chúng ta phải trút tâm sám hối và rũ bỏ những nghiệp quả từ các đời trước để bước đến con đường giải thoát). Chính mùi thơm của hoa huệ đã "trút nhịp thiền" cho nhà thơ thấy lòng thanh tịnh: "Rung rinh hương gọi nắng hồng/ Mà nay từng búp rụng vòng chân nhang/ Lời thơm như đã thật gần/ Trút tâm sám hối tựa lần chia xa/ Áo lam, tràng chuỗi thành hoa/ Ta còn ôm cả ta bà ngả nghiêng/ Huệ hương đã trút nhịp thiền/ Mình vừa sụp lạy bóng mình đó thôi" ("Chợt nghĩ bên hoa huệ") (Minh Phương, 2014)

Có tinh thần từ bi trí huệ, có Phật tính trong lòng cũng là cách để có một đời sống an nhiên, hạnh phúc cho mình và góp phần làm lành mạnh xã hội. Hàn Mặc Tử thấm nhuần tư tưởng từ bi của đạo Phật nên ông hằng khao khát: *Thơ tôi thương huyền di/ Mọc lên đạo Từ Bi…*("Cao hứng") và bản thân được: "Trở lại trời tu luyện với muôn đêm/ Hớp tinh khí lâu năm thành chánh quả" ("Phan Thiết! Phan Thiết!"). Thơ ông đã sử dụng nhiều những từ ngữ Phật giáo như: từ bi, mười phương Phật, ba ngàn thế giới.... Còn Bích Khê lại luôn thấy hình ảnh Đức Phật Như Lai xuất hiện trong trí tưởng của mình với sự từ bi: "Muôn năm lòng đá rắn/ Nhuần thắm giọt từ bi …./ Ta nay lên ngọc điện/ Chỉ nhượng Phật Như Lai" ("Ngũ Hành Sơn - Hậu"). Nhà thơ kiêm dịch giả *Thái Bá Tân đã dựa vào một tích truyện tôn giáo để diễn tả sự từ bi trong bài thơ ''Thiền sư và con rắn''. Một vị thiền sư gắng sức để cứu một con rắn độc sắp chết trôi dưới sông nhưng nó đã đớp ông, nọc độc đã làm cho bàn tay ông sưng tấy nhưng ông vẫn loay hoay tìm cách vớt nó. Một người đi qua, thấy thế khuyên ông đừng cứu nữa vì nó sẽ cắn ông chết. Nhưng thiền sư đã ngoái đầu lại và trả lời:* "Bản chất rắn là cắn/ Bản chất người: Cứu đời!" (Bá Tân, 2024). Triết lí của câu chuyện này là: Nếu chúng ta muốn làm Phật sự, muốn dấn thân vào đời, muốn giúp đỡ mọi người thì phải biết chịu đựng những cú cắn của loài rắn độc, của những lời thị phi, của sự hãm hại, thậm chí của cả việc phải hi sinh tính mạng. Loài vật nào cũng có thói quen riêng, thú tính riêng nhưng đã là người Phật tử thì không thể thiếu vắng sự khoan dung và lòng từ bi. Đức Phật trao lòng từ bi cho chúng sinh đều bình đẳng như nhau, giống như tình cảm của mẹ với các con, đứa hư đứa ngoan đều thương xót không phân biệt, chỉ có tình thương mới có thể cảm hóa và thay đổi đời sống này. Bởi một người đồ tể khi buông dao vẫn có thể chuyển nghiệp thành cây huyết dụ ("Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật", nghĩa là buông bỏ dao xuống thành Phật) - "Lập địa thành Phật": lập tức thành Phật, có lời giải

khác: đứng ngay đó thành Phật) có ích cho đời sống (xem: "Sự tích cây huyết dụ"). Thiện và ác, ác và thiện là hai mặt của bàn tay, là hai mặt của thế giới tâm thức, cũng là ranh giới mong manh của mê và ngộ, nếu mỗi con người chúng ta biết quay trở về thấy rõ chân tâm, thức tỉnh những hạt giống tốt đẹp trong mình thì vẫn có thể có cơ duyên chuyển hóa khổ đau bất thiện thành hạnh phúc an vui.

Tinh thần bao dung, độ lượng với người, quên đi thù oán cũng có mặt trong thơ Nguyễn Quang Thiều khi nhà thơ ý thức được: "Ghét người trong một kiếp/ Nợ đời mười kiếp sau". NSND Hoàng Cúc sau khi trải qua những biến cố cuộc đời và cơn bạo bệnh "ba sống, bảy chết" đã tìm hiểu Phật giáo và trở nên ngộ đạo. Chị đã thực hiện cách sống buông bỏ sân si, quên đi những "mưu mô" của người đời:"Khép rồi mỗi phím sân si/ Em là đôi cánh chim di/ Bay đi trên tầng mây trắng". Chị biết rằng chỉ có tình yêu thương, lòng từ bi mới có thể chữa lành những vết rách tâm hồn: "Ánh mắt yêu thương thay thế hằn thù/ Sẽ không còn màu đen độc địa/ Trong đám mây tội lỗi kiếp người". Trong thực tế, chị đã hoan hỉ làm từ thiện giúp đỡ nhiều người bất hạnh: "Tự nhủ lòng sống tốt thiện lành hơn/ Và chia sớt những cảnh đời ngang trái" (Hoàng Cúc, 2024). Tinh thần "thương người như thể thương thân" của triết lí đạo Phật cũng góp mặt trong thơ của Đồng Đức Bốn trước khi rời cõi thế cũng nhắn nhủ mọi người: "Trở về với suối với sông/ Trở về với đất với không còn gì/ Hồn thơ lục bát ra đi/ Xin người ở lại sống vì nhau hơn" ("Xin trời một trận mưa rào đón tôi").

Sống hết mình trong hiện tại, thường lạc hiện sinh cũng là điều tâm niệm của nhiều nhà thơ. Xuân Quỳnh luôn biết quy luật cuộc đời là chẳng có gì vĩnh cửu, chẳng có gì không thay đổi, tình yêu này mất đi lại có tình yêu khác thay thế, hết buồn đến vui và ngược lại: "Em đâu dám nghĩ là vĩnh viễn/ Hôm nay yêu, mai có thể khác rồi". Vì thế, nhà thơ đã xác định phải biết tận hưởng niềm hạnh phúc giản dị ở ngay phút giây hiện tại: "Nhưng lúc này anh đang ở bên em/ Niềm vui sướng trong ta là có thật" ("Nói với anh"). (Xuân Quỳnh, 2019) Nhà thơ Bùi Kim Anh có tập thơ "Thức bước thời gian" gồm 120 bài với 1500 lần bà nhắc tới thời gian. Bà luôn hiểu được giá trị và bước đi tàn bạo của thời gian, của kiếp người ngắn ngủi nên đã xác định một cách sống hiện sinh: "*cùng sống hết lòng hôm nay đã*" và "*đừng hẹn nữa ngày mai*", bởi giữa dòng đời biến động, ngày mai chẳng biết thế nào: "*một ngày thôi cũng là quá muộn/ mây thiên di cảm xúc cũng rời đi/ lắng lặng thời gian dòng đời biến động/ chớ để ngày mai/ đừng hẹn nữa ngày mai*". *Ngày mai là ngày không bao giờ có thực. Chúng ta chắc không quên câu chuyện ông già bán kẹo kéo treo biển bán hàng: "Ngày mai ăn không phải trả tiền". Lũ trẻ chờ đến ngày mai để hi vọng ăn kẹo mà không mất tiền mua nhưng thất vọng. Bởi vì thời điểm của hiện tại vẫn không phải là ngày mai và mãi mãi ngày mai vẫn chỉ là ngày mai (Kim Anh, 2022). Nhà giáo*

Nguyễn Khuê cũng có bài thơ "Thêm một ngày là lãi một ngày" theo tinh thần hiện sinh: "Cứ an hưởng cuộc sống hôm nay/ Chuyện ngày mai để mặc ngày mai/ Trời cho ngày nào hay ngày ấy/ Thêm một ngày là lãi một ngày". Trần Đăng Khoa, trong bài thơ "Ngày xuân uống trà cùng bạn" đã nâng việc thưởng thức trà thành một cách hành thiền của đạo Phật. Khi uống trà, nhà thơ bỗng thấy tâm an lạc, thấy niềm hạnh phúc vì có tri âm ở ngay trong giây phút của hiện tại: "Mai sau đời dẫu tuyệt/ Chắc gì hơn lúc này". Nữ nhà thơ Cát Du cũng luôn biết rằng sau mỗi sat na, mọi điều đều thay đổi và chúng ta luôn thay đổi: cơ thể thay đổi, ký ức thay đổi, suy nghĩ và tính tình cũng có thể thay đổi, trong từng khoảnh khắc, ta đã khác ta rồi. Bài "Lạ hoắc" của chị đã xác tín chân lí này: "Em ngắm anh mỗi ngày/ Mà sao bỗng lạ?/ Những tế bào yêu của ngày hôm qua đã chết/ Cuốn đi nụ hôn nồng của em/ Đôi môi mới của ngày hôm nay lạnh lùng, thờ ơ quá thể/ Em nhìn thấy người đàn bà hệt em/ Trong mắt anh lạ lẫm/ Em của ngày qua đâu rồi?/ Đâu rồi anh/ Anh của ngày qua đâu rồi?". Vì thế, chị luôn trân trọng từng sát na của hiện tại, của mối quan hệ đang có với những phút giây thăng hoa của đam mê khoái lạc (bởi vô thường có thể phá hủy ngay những điều tuyệt vời mình đang có như Nguyễn Du đã từng nói: "Bây giờ rõ mặt đôi ta/ Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao"): "Không mùi vị gì cả/ Chỉ vòng ôm là thực/ Siết chặt là thực/ Giãy giụa là thực…/…/ Rơi tõm vào/ Cơn cuồng nhiệt/ yêu" ("Ám ảnh màu chì"). Thơ của chị vì thế đã có sự kết hợp hài hòa giữa tư tưởng hiện sinh và triết lí đạo Phật. Trịnh Công Sơn đã từng nói rằng: *"Hiện sinh chân chính đâu phải là xấu, mình cho rằng bậc thượng thừa của hiện sinh chính là ông Phật. Tại vì Phật dạy ta phải thức tỉnh trong từng sát na của cuộc sống".*

Hầu hết các nhà thơ từ đầu thế kỷ XX đến nay đều hiểu biết ít nhiều về triết lí đạo Phật và họ đã phản ánh vào trong tác phẩm của mình. Nhưng có một thời gian, khoảng 10 năm (1950- 1960), nhiều đền chùa miếu mạo bị phá hủy, thơ của *các tác giả miền Bắc lúc bấy giờ hầu như không dung chứa đức tin tôn giáo. Thế nên,* tâm thế sáng tác trong thời kì "văn học phải đạo" của một số nhà thơ tên tuổi như Huy Cận, Hoàng Trung Thông… thật khác xa tâm thế của những nhà thơ lúc trước và sau những năm tháng này. Năm 1958, tuy Hoàng Trung Thông có bài "Trên gác chùa Keo" và năm 1959 Huy Cận có bài "Về thăm chùa Keo" nhưng chủ yếu chỉ để ngợi ca vẻ đẹp kiến trúc của ngôi chùa, ca ngợi bàn tay "người thợ khéo" đã tạo nên "Những mái vờn cong, những dáng rồng" mà thôi. Huy Cận cho rằng mọi người đến chùa nhưng "Lòng tin xưa không còn nữa" và dù có sửa lại chùa, treo chuông cũ lên và thỉnh chuông cũng "Đâu phải để gọi hờ lòng tín mộ". Còn Hoàng Trung Thông thì so sánh tiếng chuông chùa cũng không làm người nghe rung động như tiếng kẻng hợp tác xã: "Thời đại không còn tâm

tưởng cũ/ Tôi dù gõ mạnh tiếng chuông reo/ Cũng không rung động như hồi kẻng/ Báo buổi cày tan lúc xế chiều". Tuy nhiên, ngày nay nhiều nhà thơ đương đại đã có sự nhận thức khá sâu sắc về nhiều vấn đề của giáo lí nhà Phật.

4. Kết luận

Có thể thấy, tinh thần thiền, quan niệm "hiện pháp lạc trú" của Phật giáo đã được một số tác giả thơ của Việt Nam hiện đại (không xuất gia) thể hiện một cách minh triết, rõ ràng qua tác phẩm trong suốt một thời kì dài (tuy vẫn có sự gián đoạn) từ đầu thế kỷ XX đến nay. Cách thực hành thiền (tìm thấy niềm vui vẻ đẹp của thiên nhiên, lạc quan trước hiện thực nghiệt ngã, coi cái chết nhẹ nhàng, biết rũ bỏ vô minh chấp ngã, quên đi thù hận, sống trong sạch, biết tự mình cứu mình, sống hết mình trong hiện tại, có tinh thần từ bi giúp đỡ mọi người...) là cách sống tích cực, khiến cho thân tâm an lạc, hạnh phúc, không mắc những sai lầm do tham sân si tạo ra. Cách sống này cũng góp phần làm lành mạnh xã hội, bởi như GS. Cao Huy Thuần đã chia sẻ trong thư gửi tới Tọa đàm "Thơ thiền Việt Nam" vào ngày 26/3/2023 tại Huế: "Chất thiền càng mạnh trong chất đạo thì đạo càng vững, mà đạo càng vững thì phong hóa đạo đức trong xã hội càng vững, an ninh mới đảm bảo".

Tài liệu tham khảo

Bùi Kim Anh (2022), *Thức bước thời gian*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Dương Kỳ Anh (2023), *Thơ chọn*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Nguyễn Quỳnh Anh (2020), "Thử nhận diện thiền trong thơ Việt Nam đương đại", Báo Công an Nhân dân, Thứ sáu, 30/10/2020.

Trần Hoài Anh (2017) *Đi tìm ẩn ngữ văn chương*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh (2022), *Phật học căn bản* (giáo trình), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

Đồng Đức Bốn (2006), *Chim mỏ vàng và hoa cỏ độc*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Huy Cận (1960), *Đất nở hoa*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

Nguyễn Bính Hồng Cầu (sưu tầm, biên soạn) (2017), *Nguyễn Bính toàn tập*, tập 1, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Đoàn Trung Côn (2009), *Triết lý nhà Phật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Nguyễn Việt Chiến (2012) *Thơ và trường ca*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Trần Quang Chu (2018), *Thơ văn Hàn Mặc Tử - sưu tầm & khảo cứu*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

Hoàng Cúc, *Trường ca Cúc*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2024

Nguyễn Du (2015), *Truyện Kiều*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

Phạm Tiến Duật (2007), *Tuyển tập thơ và trường ca,* Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2007.

Thích Phước Đạt, Thích Hạnh Tuệ, Thích Nữ Thanh Nữ, *Thiền học Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 202

Trần Thái Đỉnh (2003), *Triết học hiện sinh*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

Bùi Giáng (1962, 1993), *Mưa nguồn* (tái bản 1993), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 1993.

Thích Nhất Hạnh, "Thông điệp thương yêu" của NS Trịnh Công Sơn, Nguồn: web: langmai.org

Đinh Thanh Huyền (2021), "Kinh mạch tôn giáo trong thơ Mai Văn Phấn" in trong *Bày cuộc thơ*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Trương Nam Hương (2022), *Thời nắng xanh và những bài thơ khác*, Nxb. Hội Nhà văn. Hà Nội.

Bích Khê, (1997), *Thơ Bích Khê*, Nxb. Đồng Nai.

Bích Khê (2007), "Trăng sáng bến đò xưa", in trong *Tuyển thơ nhiều tác giả*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Đỗ Trọng Khơi (2002), *Cầm thu*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Nguyễn Khuê (2005), *Trăm năm làm cuộc lãng du*, Nxb. Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Thùy Linh (2020), "Quét chùa buổi sớm", in trong Văn nghệ Quân đội, Thứ Bảy, 22/08/2020.

Nguyễn Văn Long (2020), *Huyền âm mộng nguyện*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Trần Vũ Long, "Bế Kiến Quốc và những dòng thơ định mệnh", in trong web https://baotangvanhoc.vn).

Thích Thanh Nghiêm (2022), *Buông xả phiền não*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

Tâm Nhiên, "Nhà thơ kiệt xuất Nguyễn Đức Sơn", web:vanchuongviet. org/index

Đạt Lai Lạt Ma (2010) (Tuệ Uyển dịch), *Con đường đến tĩnh lặng*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.

Tôn Thảo Miên (2007), "Điềm lạ", in trong H*àn Mặc Tử - tác phẩm và lời bình*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

Hồ Chí Minh (2022), *Nhật ký trong tù*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tái bản.

Nguyễn Nhược Pháp (1966), *Ngày xưa*, Nhà sách Cảo thơm, Sài Gòn, 1966.

Mai Văn Phấn (2010), "Cửa Mẫu", in trong tập *Bầu trời không mái che*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Mai Văn Phấn (2012), Hoa giấu mặt, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Mai Văn Phấn (2013), "Tĩnh lặng" in trong tập *Vừa sinh ra ở đó*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Mai Văn Phấn (2015), *Thả*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Nguyễn Ngọc Phú, Bài thơ "Thường dân" - Nguyễn Long, Nguồn: web.vienngocquy.com/thuong-dan

Nguyễn Bình Phương (2011), "N.B.P", in trong tập *Buổi câu hờ hững*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

Nguyễn Bình Phương (2015), *Xa xăm gõ cửa*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

Trần Huy Minh Phương (2014), *Gió mặn* (thơ), Nxb. Hội Nhà văn.

Trần Huy Minh Phương (2021), *Khói rụng*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Hồng Thanh Quang (2021), *Cỏ bạc triền đê*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

Bế Kiến Quốc (1994), *Cuối rễ đầu cành,* Nxb. Hà Nội, 1994.

Bế Kiến Quốc (2022), "Không đề 1", in trong *Mãi mãi ngày đầu tiên*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Xuân Quỳnh (2019), *Thơ Xuân Quỳnh*, Nxb Văn học, Hà Nội.

Trịnh Công Sơn (2019), "Album nhạc Trịnh - Đóa hoa vô thường".

Thái Bá Tân (2024), *Châm ngôn chọn lọc*, Nxb. Lao động, Hà Nội.

Đỗ Thượng Thế (2023), "Vừa đi vừa niệm" in trong *Tạp chí Văn nghệ quân đ*ội số 1015.

Hoàng Trung Thông (1960), *Đường chúng ta đi*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

Lưu Khánh Thơ (2005), *Thơ và một số gương mặt thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.

Đỗ Lai Thuý, "Mai Văn Phấn - thơ lập phương", website: vanvn.vn, ngày 18-3-2022.

Trần Ngọc Tuấn (2018), *Chân thân*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

HT.Thích Nhật Từ (2019), *Kinh A Di Đà,* Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Vũ Thị Thường (sưu tập và biên soạn) (2002), *Chế Lan Viên toàn tập*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

Trần Hạ Vi (2020), *Vi*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

Từ điển Phật học Hán Việt (1992), Chủ biên Thích Cương Tử; Chủ nhiệm kiêm thư ký Thích Thanh Ninh, Tập 2, Phân viện Nghiên cứu Phật học Hà Nội xuất bản.